

BỘ Y TẾ  
QUỸ PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ

HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT  
*tình hình thực thi quy định*  
**CẤM QUẢNG CÁO, KHUYẾN MẠI THUỐC LÁ**

HÀ NỘI, 2017

**Chủ biên**

**PGS. TS. LƯƠNG NGỌC KHUÊ**

**Biên soạn**

*ThS. BS. Phan Thị Hải*

*CN. Nguyễn Thị Thu Hương*

*Ths. Nguyễn Thùy Linh*

**QUỸ PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI THUỐC LÁ - BỘ Y TẾ**

Tầng 5, Toà nhà Toserco, 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại/fax: 0243.8314892/0243.8315440

Website: [www.vinacosh.gov.vn](http://www.vinacosh.gov.vn)

## LỜI NÓI ĐẦU

**T**heo Tổ chức Y tế Thế giới, trên toàn cầu, mỗi năm sử dụng thuốc lá là nguyên nhân gây ra 6 triệu ca tử vong. Nếu các biện pháp kiểm soát thuốc lá hiệu quả không được thực hiện thì đến năm 2030 con số này có thể tăng thành 8 triệu người, và đến cuối thế kỷ này, thuốc lá sẽ giết chết 1 tỷ người. Quảng cáo, khuyến mại sản phẩm thuốc lá là một trong những hoạt động nhằm thu hút, gia tăng số người sử dụng, làm cho những người đang sử dụng hút nhiều hơn và thu hút người chưa sử dụng bắt đầu làm quen với thuốc lá, đặc biệt là thanh thiếu niên. Các nghiên cứu gần đây trên thế giới cho thấy nếu không có các biện pháp ngăn chặn kịp thời, khoảng 40% thanh thiếu niên trên thế giới hiện nay sẽ trở thành người hút thuốc khi bước vào lứa tuổi trưởng thành. Rất nhiều người trong số đó sẽ phải gánh chịu những căn bệnh do thuốc lá gây ra. Các công ty thuốc lá thường coi thanh thiếu niên là những khách hàng tiềm năng vì phần lớn những người nghiện thuốc đều hút thuốc từ khi còn rất trẻ, vì thế họ tìm mọi cách để thu hút người sử dụng như giảm giá thuốc, quảng cáo trên bao bì sản phẩm, quảng cáo tại các điểm bán hàng ...

Năm 2012, Quốc hội ban hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá, quy định nghiêm cấm quảng cáo, khuyến mại thuốc lá, tiếp thị thuốc lá trực tiếp tới người tiêu dùng dưới mọi hình thức. Mặc dù vậy, theo điều tra năm 2017 về thực trạng vi phạm quy định cấm quảng cáo tình hình sử dụng thuốc lá ở người trưởng thành tại Việt Nam do Trường Đại học Y tế Công cộng thực hiện, gần 90% các cửa hàng bán lẻ thuốc lá vi phạm các quy định về cấm trưng bày thuốc lá. Bên cạnh đó, các hoạt động quảng cáo thuốc lá tại các điểm bán cũng vẫn diễn ra phổ biến.

Nhằm tăng cường thực thi quy định cấm quảng cáo, khuyến mại thuốc lá, căn cứ vào các văn bản pháp luật hiện hành, các tài liệu khảo sát và thực trạng công tác giám sát hoạt động quảng cáo thuốc lá tại các tỉnh, thành phố, Quỹ PCTH thuốc lá xây dựng: **Tài liệu hướng dẫn giám sát hoạt động quảng cáo khuyến mại thuốc lá**. Tài liệu dành cho các cán bộ thanh tra, kiểm tra hoạt động phòng, chống tác hại của thuốc lá, các cán bộ tham gia hoạt động giám sát, thực thi công tác phòng chống tác hại của thuốc lá.

Ban soạn thảo xin cảm ơn ý kiến góp ý của Thanh tra Bộ Y tế, Thanh tra Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, Cục Quản lý thị trường và các chuyên gia cho tài liệu. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được các ý kiến đóng góp để giúp tài liệu được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

Trân trọng cảm ơn.

**PGS. TS. Lương Ngọc Khuê**

*Cục trưởng Cục quản lý khám, chữa bệnh - Bộ Y tế  
Giám đốc Quỹ Phòng, chống tác hại của thuốc lá*

MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                                     | TRANG |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Phần I. Một số hình ảnh vi phạm quy định cấm quảng cáo, khuyến mại thuốc lá, Trưng bày thuốc lá tại điểm bán | 5     |
| Phần II. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quảng cáo, khuyến mại thuốc lá                             | 20    |
| Phần III. Quy trình xử phạt vi phạm hành chính                                                               | 27    |
| Phần VI. Các biểu mẫu                                                                                        | 35    |



## PHẦN I

# MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH CẤM QUẢNG CÁO, KHUYẾN MẠI THUỐC LÁ TRƯNG BÀY THUỐC LÁ TẠI CÁC ĐIỂM BÁN

*“Quảng cáo là việc sử dụng các phương tiện nhằm giới thiệu đến công chúng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có mục đích sinh lợi; sản phẩm, dịch vụ không có mục đích sinh lợi; tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được giới thiệu, trừ tin thời sự; chính sách xã hội; thông tin cá nhân”*

*(Điều 2 Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13)*

**NGHIÊM CẤM QUẢNG CÁO, KHUYẾN MẠI THUỐC LÁ; TIẾP THỊ THUỐC LÁ TRỰC TIẾP TỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG DƯỚI MỌI HÌNH THỨC.**

*(Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13)*

1. VI PHẠM QUY ĐỊNH CẤM QUẢNG CÁO THUỐC LÁ

*Vi phạm quy định của Luật PCTH của thuốc lá: Nghiêm cấm quảng cáo thuốc lá dưới mọi hình thức (Khoản 2, Điều 9)*

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**

*(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)*



*Hộp quảng cáo thuốc lá di động*

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**

*(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)*



Hộp quảng cáo phát sáng

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**

(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)





Hộp quảng cáo, xe chuyên dụng chở thuốc lá có hộp sơn màu logo và thương hiệu



Quảng cáo: Trưng bày Mô hình bao thuốc lá tại các điểm bán

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**

(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)



Quảng cáo : Trưng bày Mô hình bao thuốc lá tại các điểm bán

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**  
(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)



Sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá trên mũ

**Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá với sản phẩm, dịch vụ khác**  
(Điểm a Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP)





**Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá với sản phẩm, dịch vụ khác**  
(Điểm a Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP)



*Sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá trên **Bật lửa**, **USB***

**Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá với sản phẩm, dịch vụ khác**  
(Điểm a Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP)



Sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá trên Hộp đựng thuốc lá, bật lửa

**Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá với sản phẩm, dịch vụ khác**  
(Điểm a Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP)



Sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá với sản phẩm, dịch vụ khác

**Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá với sản phẩm, dịch vụ khác**  
(Điểm a Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP)





Sử dụng lô gô, nhãn hiệu thuốc lá trên móc chìa khoá

**2. VI PHẠM QUY ĐỊNH NGHIÊM CẤM SẢN XUẤT, MUA BÁN SẢN PHẨM ĐƯỢC THIẾT KẾ CÓ HÌNH THỨC HOẶC KIỂU DÁNG NHƯ BAO, GÓI HOẶC ĐIỀU THUỐC LÁ**

(Khoản 1, điều 9 Luật PCTH của thuốc lá)



Điện thoại, ốp điện thoại hình bao thuốc lá

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**

(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)





Loa hình bao thuốc lá

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**

(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)



Kẹo hình bao và điếu thuốc lá





#### 4. VI PHẠM QUY ĐỊNH NGHIÊM CẤM TIẾP THỊ THUỐC LÁ TRỰC TIẾP TỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG DƯỚI MỌI HÌNH THỨC

(Khoản 2 Điều 9 Luật PCTH thuốc lá)



**Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên, nhãn hiệu và biểu tượng thuốc lá với sản phẩm, dịch vụ khác**  
(Điểm a Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP)

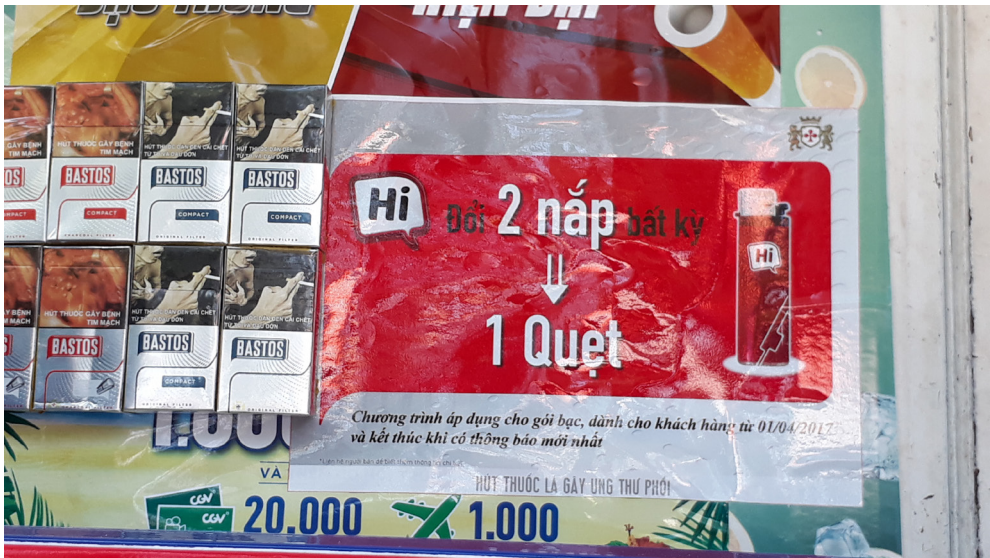


5. VI PHẠM QUY ĐỊNH NGHIÊM CẤM KHUYẾN MẠI THUỐC LÁ DƯỚI MỌI HÌNH THỨC (KHOẢN 2 ĐIỀU 9 LUẬT PCTH THUỐC LÁ



Hình ảnh quảng cáo chương trình khuyến mại: Khách hàng bí ẩn

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**  
(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)





Hình ảnh quảng cáo chương trình khuyến mại: Khách hàng bí ẩn

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**

(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)



Hình ảnh quảng cáo chương trình khuyến mại : Hút thuốc Craven miễn phí

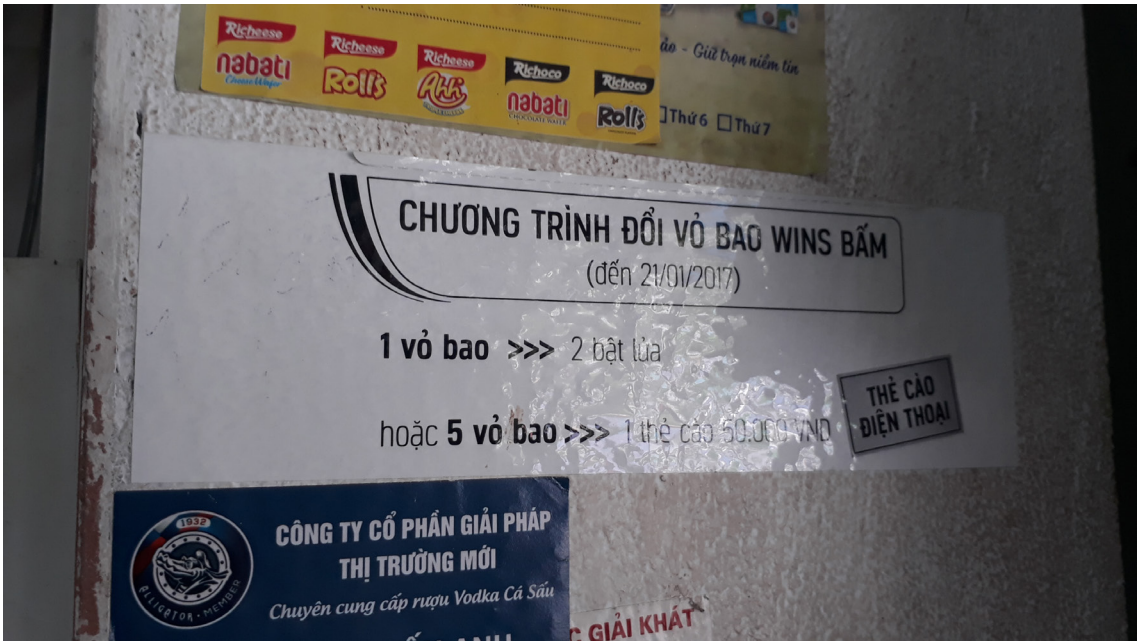


Bật lửa khuyến mãi

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**

(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)





Chương trình: Đổi giấy bạc, vỏ bao lấy quà tặng

**Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo thuốc lá**

(Khoản 1 Điều 50 Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao du lịch và Quảng cáo)



6. VI PHẠM QUY ĐỊNH NGHIÊM CẤM SỬ DỤNG HÌNH ẢNH THUỐC LÁ TRÊN BÁO CHÍ, XUẤT BẢN PHẨM DÀNH RIÊNG CHO TRẺ EM

*Vi phạm quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá: “Nghiêm cấm sử dụng hình ảnh thuốc lá trên báo chí, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em”*  
(Khoản 8 Điều 9)

Mức phạt tiền:

**Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng hành vi vi phạm quy định nghiêm cấm sử dụng hình ảnh thuốc lá trên báo chí, xuất bản phẩm dành riêng cho trẻ em**  
(Điểm a, Khoản 2, Điều 27, Nghị định 176/2013/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế)



Truyện tranh dành cho trẻ em



Hút thuốc trên phim hoạt hình

**PHẦN II**

**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH  
ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ  
CẤM QUẢNG CÁO, KHUYẾN MẠI THUỐC LÁ**

## 1. THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân đối với hành vi vi phạm quy định cấm quảng cáo, khuyến mại thuốc lá được quy định tại 03 Nghị định:

### **1. Nghị định 176/2013/NĐ-CP của chính phủ, ngày 14 tháng 11 năm 2013, về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế**

(Phần lĩnh vực y tế dự phòng trong Nghị định số 176/2013/NĐ-CP)

#### **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 5.000.000 đồng

#### **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

#### **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng

### **2. Nghị định 158/2013/NĐ-CP của chính phủ ngày 12 tháng 11 năm 2013 về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo**

#### **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

#### **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

#### **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

### **3. Nghị định 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

#### **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

#### **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- + Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;



**Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến mức tối đa theo quy định tại Nghị định này;
- + Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

**THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH (Điều 79)**

Các chức danh quy định tại các điều 80, 81, 82 và 83 Nghị định này và công chức, viên chức đang thi hành nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

**2. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA THANH TRA****2.1. THANH TRA Y TẾ**

Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra y tế đối với hành vi vi phạm quy định cấm quảng cáo, khuyến mại thuốc lá được quy định tại 02 Nghị định

***1. Nghị định 176/2013/NĐ-CP của chính phủ, ngày 14 tháng 11 năm 2013, về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế*****Điều 90. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra y tế**

**Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:**

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 500.000 đồng

**Chánh Thanh tra Sở Y tế có quyền:**

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 25.000.000 đồng

**Chánh Thanh tra Bộ Y tế có quyền:**

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

**Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:**

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

***2. Nghị định 158/2013/NĐ-CP của chính phủ ngày 12 tháng 11 năm 2013 về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo***

**Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành y tế trong phạm vi quản lý nhà nước của ngành có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 500.000 đồng;

**Chánh Thanh tra Sở Y tế trong phạm vi quản lý nhà nước của ngành có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

**Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Y tế, trong phạm vi quản lý nhà nước của ngành có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

## **2.2. THANH TRA VĂN HOÁ**

Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra văn hoá đối với hành vi vi phạm quy định cấm quảng cáo, khuyến mại thuốc lá được quy định tại 01 Nghị định:

**1. Nghị định 158/2013/NĐ-CP của chính phủ ngày 12 tháng 11 năm 2013 về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo**

**Thanh tra viên văn hóa, thể thao và du lịch có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 500.000 đồng;

**Chánh Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

**Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;

**Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo;
- + Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

## **3. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG**

Thẩm quyền xử phạt của Quản lý Thị trường đối với hành vi vi phạm quy định cấm quảng cáo, khuyến mại thuốc lá được quy định tại 02 Nghị định

**1. Nghị định 176/2013/NĐ-CP của chính phủ, ngày 14 tháng 11 năm 2013, về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế**

**Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 500.000 đồng.

**Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

**Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, dược, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế;

**Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về y tế dự phòng; đến 100.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về khám bệnh, chữa bệnh, dược, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế;

**2. Nghị định 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

**Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 500.000 đồng.

**Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- + Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

**Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng Chống buôn lậu, Trưởng phòng Chống hàng giả, Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- + Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- + Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

**Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định 185/2013/NĐ-CP;



## 4 . THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN

Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân đối với hành vi vi phạm quy định cấm quảng cáo, khuyến mại thuốc lá được quy định tại 02 Nghị định

**1. Nghị định 176/2013/NĐ-CP của chính phủ, ngày 14 tháng 11 năm 2013, về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế**

**Chiến sĩ công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 300.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số và đến 500.000 đồng đối với vi phạm hành chính về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

**Trạm trưởng, Đội trưởng của người quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 900.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số và đến 1.500.000 đồng đối với vi phạm hành chính về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

**Trưởng Công an cấp xã có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số và đến 2.500.000 đồng đối với vi phạm hành chính về phòng, chống tác hại của thuốc lá.

**Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 10.000.000 đồng

**Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số; đến 25.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về phòng, chống tác hại của thuốc lá;

**Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về dân số; đến 50.000.000 đồng đối với vi phạm hành chính về phòng, chống tác hại của thuốc lá;

**2. Nghị định 158/2013/NĐ-CP của chính phủ ngày 12 tháng 11 năm 2013 về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo**

**Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 500.000 đồng.

**Trạm trưởng, đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

**Trưởng Công an cấp xã có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

**Trưởng Công an cấp huyện có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 10.000.000 đồng trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, phạt tiền đến 20.000.000 đồng trong lĩnh vực quảng cáo;

**Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực quảng cáo;

**Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao có quyền:**

- + Phạt cảnh cáo;
- + Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; phạt tiền đến 100.000.000 đồng trong lĩnh vực quảng cáo;

**5 NGUYÊN TẮC PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH** (Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính)

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương.
- Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định trong Luật xử lý vi phạm hành chính có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý.
- Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.
- Trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau:
  - o Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó
  - o Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.
- Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

**PHẦN III**  
**QUY TRÌNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  
**THEO LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**  
**VÀ CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN**



**BUỘC CHẤM DỨT HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH (Điều 55.)**

Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ cần yêu cầu Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính đang diễn ra nhằm chấm dứt ngay hành vi vi phạm. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính được thực hiện bằng lời nói, còi, hiệu lệnh, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

**LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH:**

*Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản (Điều 56.)*

Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ. (Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ thì phải lập biên bản)

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt.

*Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản (Điều 57)*

Xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại đoạn Điều 56 của Luật này. Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ bao gồm biên bản vi phạm hành chính quyết định xử phạt hành chính. Các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh dấu lục.

*Lập biên bản vi phạm hành chính (Điều 58.)*

Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản, trừ trường hợp xử phạt không lập biên bản theo quy định tại Điều 56 của Luật này.

Vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.

Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm; biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý; tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ; lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, lời khai của họ; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến.

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.

Trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

#### ***Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (Điều 59. )***

Khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh các tình tiết sau đây:

- + Có hay không có vi phạm hành chính;
- + Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm hành chính;
- + Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;
- + Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra;
- + Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính phải được thể hiện bằng văn bản.

#### ***Giải trình (Điều 61)***

Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền có thể gia hạn thêm không quá 05 ngày theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính tự mình hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp của mình thực hiện việc giải trình bằng văn bản.

Đối với trường hợp giải trình trực tiếp, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.

Người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý và tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ thì các bên phải ký vào từng tờ biên bản. Biên bản này phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ 01 bản.

## **RA QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH (ĐIỀU 67)**

Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần thì chỉ ra 01 quyết định xử phạt, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính.

Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng cá nhân, tổ chức.

Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

### ***Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Điều 66.)***

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

### ***Nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Điều 68***

- + Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải bao gồm các nội dung chính sau đây:
- + Địa danh, ngày, tháng, năm ra quyết định;



- + Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- + Biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc biên bản họp giải trình và tài liệu khác (nếu có);
- + Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;
- + địa phạm;
- + Hành vi vi phạm hành chính; tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng;
- + Điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;
- + Hình thức xử phạt chính; hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- + Quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- + Hiệu lực của quyết định, thời hạn và nơi thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nơi nộp tiền phạt;
- + Họ tên, chữ ký của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
- + Trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và việc cưỡng chế trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành.

Thời hạn thi hành quyết định là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

Trường hợp ban hành một quyết định xử phạt vi phạm hành chính chung đối với nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hoặc nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì nội dung hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt đối với từng cá nhân, tổ chức phải xác định cụ thể, rõ ràng.

## **THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

### ***Thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản***

Đối với trường hợp Thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được giao cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt 01 bản. Trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo thì quyết định xử phạt còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

Cá nhân, tổ chức vi phạm nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt. Người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt và phải nộp tiền phạt trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thu tiền phạt. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không có khả năng nộp tiền phạt tại chỗ thì nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 78 của Luật này.

### ***Thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản***

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết. Đối với trường hợp quyết định được

giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử phạt đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận; quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao.

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này. Việc khiếu nại, khởi kiện được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có thẩm quyền xử phạt đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt của cá nhân, tổ chức bị xử phạt và thông báo kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương.

#### ***Thủ tục nộp tiền phạt (Điều 78.)***

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt, trừ trường hợp đã nộp tiền phạt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Nếu quá thời hạn nêu trên, thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt và cứ mỗi ngày chậm nộp phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

Tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày thu tiền phạt.

Trường hợp xử phạt trên biển hoặc ngoài giờ hành chính, người có thẩm quyền xử phạt được thu tiền phạt trực tiếp và phải nộp tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày vào đến bờ hoặc ngày thu tiền phạt.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính bị phạt tiền phải nộp tiền phạt một lần, trừ trường hợp quy định tại Điều 79 của Luật này.

Mọi trường hợp thu tiền phạt, người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt.

#### ***Hình thức, thủ tục thu, nộp tiền phạt (Điều 10. Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013)***

Cá nhân, tổ chức vi phạm thực hiện việc nộp tiền phạt theo một trong các hình thức sau:

- + Nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng thương mại nơi Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt được ghi trong quyết định xử phạt;
- + Nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Kho bạc nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt;
- + Nộp phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc nộp trực tiếp cho cảng vụ hoặc đại diện cảng vụ hàng không đối với trường hợp người bị xử phạt là hành khách quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam để thực hiện chuyến bay quốc tế xuất phát từ lãnh thổ Việt Nam; thành viên tổ bay làm nhiệm vụ trên chuyến bay quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; thành viên tổ bay của hãng hàng không nước ngoài thực hiện chuyến bay quốc tế xuất phát từ lãnh thổ Việt Nam.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiền phạt được nộp vào tài khoản của Kho bạc nhà nước, thì người tạm giữ các giấy tờ để bảo đảm cho việc xử phạt theo quy định tại Khoản 6 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính phải gửi trả lại cá nhân, tổ chức bị xử phạt các giấy tờ đã tạm giữ qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm. Chi phí gửi quyết định xử phạt và chi phí gửi trả lại giấy tờ do cá nhân, tổ chức bị xử phạt chi trả.

### **CHỨNG TỪ THU, NỘP TIỀN PHẠT VÀ TIỀN CHẬM NỘP PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH (Điều 11.)**

Chứng từ thu, nộp tiền phạt, tiền chậm nộp phạt được in, phát hành, quản lý và sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật để xác nhận số tiền mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền thu phạt.

*Chứng từ thu, nộp tiền phạt và tiền chậm nộp phạt bao gồm:*

- + Biên lai thu tiền phạt phải in sẵn mệnh giá được sử dụng để thu tiền phạt vi phạm hành chính tại chỗ theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 và Khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính trong trường hợp phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức;
- + Biên lai thu tiền phạt không in sẵn mệnh giá được sử dụng để thu tiền phạt đối với các trường hợp xử phạt vi phạm hành chính còn lại và thu tiền chậm nộp phạt;
- + Giấy xác nhận nộp tiền phạt vào tài khoản của Kho bạc nhà nước (nếu có);
- + Các chứng từ khác theo quy định của pháp luật.

*Việc phát hành biên lai thu tiền phạt được thực hiện như sau:*

- + Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức cấp biên lai thu tiền phạt cho cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan, tổ chức thu tiền phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;
- + Cơ quan phát hành phải có thông báo phát hành bằng văn bản trước khi đưa ra sử dụng lần đầu mẫu biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính;
- + Cá nhân, tổ chức được cấp biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính phải quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phạt theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan.

*Sử dụng biên lai thu tiền phạt:*

- + Cá nhân, tổ chức thu tiền phạt khi sử dụng biên lai thu tiền phạt phải đối chiếu các thông tin ghi trên quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các nội dung ghi trên



biên lai thu tiền phạt theo đúng quy định. Tổng số tiền trên các biên lai thu tiền phạt phải đúng với số tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt;

- + Cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt vi phạm hành chính có quyền từ chối nộp tiền nếu phát hiện biên lai thu tiền phạt hoặc chứng từ thu tiền không đúng mẫu quy định, ghi không đúng với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ghi không đúng số tiền phạt, chậm nộp phạt (nếu có) và báo cho cơ quan quản lý người có thẩm quyền thu tiền phạt biết để xử lý kịp thời.

*Quản lý biên lai thu tiền phạt:*

- + Việc quản lý biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính thực hiện theo chế độ quản lý hiện hành phù hợp với từng loại biên lai;
- + Cơ quan, tổ chức được cấp biên lai để thu tiền phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm mở sổ sách theo dõi nhập, xuất, bảo quản, lưu giữ biên lai theo chế độ kế toán hiện hành; hàng tháng, hàng quý lập báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính; hàng năm thực hiện quyết toán biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính theo quy định;
- + Việc hủy biên lai thu tiền phạt thực hiện theo quy định hiện hành phù hợp với từng chủng loại biên lai.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung, hình thức biên lai thu tiền phạt và các chứng từ thu tiền phạt khác; tổ chức in, phát hành và quản lý, sử dụng các chứng từ thu phạt và tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính.

PHẦN IV.

**BIỂU MẪU**

*(Biểu mẫu theo quy định của  
Luật xử lý vi phạm hành chính)*

**MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH  
THEO THỦ TỤC XỬ PHẠT KHÔNG LẬP BIÊN BẢN**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH<sup>1</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-XPVPHC

.....<sup>2</sup>, ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản**

Căn cứ Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính;  
Căn cứ<sup>3</sup>.....;  
Căn cứ Văn bản giao quyền số .../... ngày ... tháng ... năm ... (nếu có),  
Tôi:..... Chức vụ:.....Đơn vị:.....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản đối với:  
Ông (Bà)/Tổ chức:.....  
Ngày ..... tháng ..... năm sinh ..... Quốc tịch:.....  
Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....  
Địa chỉ:.....  
Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....  
Cấp ngày: ..... Nơi cấp:.....  
Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính<sup>4a</sup> ..... quy định tại 4b.....  
Địa điểm xảy ra vi phạm:.....  
Các tình tiết liên quan đến giải quyết vi phạm (nếu có):.....

**Điều 2.** Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng:  
1. Hình thức xử phạt chính: 5a.....  
Mức phạt 5b:.....  
2. Hình thức xử phạt bổ sung:.....  
.....  
3. Biện pháp khắc phục hậu quả:.....  
.....

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)/tổ chức ..... để chấp hành Quyết định xử phạt.

Trong trường hợp bị xử phạt tiền, ông (bà)/tổ chức nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt; trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ thì nộp tại Kho bạc nhà nước/ Ngân hàng thương mại ..... hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc nhà nước/Ngân hàng thương mại<sup>6</sup>: ..... trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao Quyết định này.



Thời hạn thi hành hình thức xử phạt bổ sung là ..... ngày; thời hạn thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả là ..... ngày, kể từ ngày được giao Quyết định này.

Nếu quá thời hạn trên mà không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức bị tạm giữ 7 ..... để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

Ông (Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho 8 ..... để thu tiền phạt

3. 9 ..... để tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Gửi cho 10 ..... để biết./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: Hồ sơ.

1. Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh).

2. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

3. Ghi tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

4a. Ghi tóm tắt hành vi vi phạm;

4b. Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

5a. Ghi rõ một trong các hình thức xử phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính (cảnh cáo hoặc phạt tiền);

5b. Trong trường hợp xử phạt tiền, thì trong Quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ.

6. Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước (hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu) hoặc số tài khoản của Kho bạc nhà nước mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải nộp tiền phạt.

7. Ghi trong trường hợp quyết định xử phạt chỉ bao gồm hình thức phạt tiền mà cá nhân/tổ chức vi phạm không có tiền nộp phạt tại chỗ (các loại giấy tờ tạm giữ cho đến khi cá nhân/tổ chức chấp hành xong Quyết định xử phạt này là một trong các giấy tờ quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính).

8. Ghi tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu.

9. Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan.

10. Cha mẹ hoặc người giám hộ (ghi rõ họ tên, địa chỉ...) của người chưa thành niên trong trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT  
VI PHẠM HÀNH CHÍNH CÓ LẬP BIÊN BẢN**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH<sup>1</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-XPVPHC

.....<sup>2</sup>, ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Xử phạt vi phạm hành chính<sup>3</sup>**

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;  
Căn cứ 4.....;  
Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số .../BB-..... do ..... lập hồi .... giờ  
.... ngày .... tháng .... năm .... tại.....;  
Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ;  
Căn cứ Biên bản phiên giải trình số ...../..... ngày .... tháng .... năm .... tại .....;  
Căn cứ Văn bản giao quyền số ...../..... ngày .... tháng .... năm .... (nếu có),  
Tôi: ..... Chức vụ: ..... Đơn vị: .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:.....  
Ngày, tháng, năm sinh: ..... Quốc tịch: .....  
Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động: .....  
Địa chỉ:.....  
Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: .....  
Cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

1. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính<sup>5a</sup> ..... quy định tại<sup>5b</sup>  
- Các tình tiết tăng nặng/ giảm nhẹ (nếu có):  
.....  
.....

\*Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- Hình thức xử phạt chính<sup>6a</sup>: ..... Cự thể<sup>6b</sup>:.....  
.....  
- Hình thức phạt bổ sung (nếu có)<sup>7</sup>: .....  
- Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có): .....

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả<sup>8</sup>....., kể từ ngày  
nhận được Quyết định này.

Cá nhân/tổ chức vi phạm phải hoàn trả kinh phí cho việc thực hiện biện pháp khắc  
phục hậu quả (nếu có) là: ....., vì chi phí khắc phục hậu quả

đã được cơ quan có thẩm quyền chi trả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính<sup>9a</sup> ..... quy định tại<sup>9b</sup> ;

- Các tình tiết tăng nặng/giảm nhẹ (nếu có) .....  
.....

\* Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

- Hình thức xử phạt chính 10a: .....  
Cụ thể 10b: .....

- Hình thức phạt bổ sung (nếu có)<sup>11</sup>:.....

- Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có): .....

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là:<sup>12</sup> ....., kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Cá nhân/tổ chức vi phạm phải hoàn trả kinh phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) là: ....., vì chi phí khắc phục hậu quả đã được cơ quan có thẩm quyền chi trả theo quy định tại Khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm .....

**Điều 3.** Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/tổ chức ..... để chấp hành Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/Tổ chức phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.

Trường hợp không nộp tiền phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính, ông (bà)/tổ chức phải nộp tiền phạt tại Kho bạc nhà nước/Ngân hàng thương mại<sup>13a</sup> ..... hoặc nộp tiền vào tài khoản của Kho bạc nhà nước/ Ngân hàng thương mại<sup>13b</sup>: ..... trong thời hạn ..... kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Ông (Bà)/Tổ chức bị xử phạt có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho<sup>14</sup> ..... để thu tiền phạt.

3. <sup>15</sup> ..... để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

1 Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh để cung cấp thông tin cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu).

2 Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

3 Mẫu này được sử dụng trong trường hợp xử phạt một hoặc nhiều cá nhân/tổ chức thực hiện một hoặc nhiều hành vi vi phạm hành chính.

4 Ghi tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

5a Ghi tóm tắt hành vi vi phạm;

5b Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

6a Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng (Cảnh cáo/Phạt tiền/Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn/Tịch thu tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính/Trục xuất).

6b Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (Trường hợp phạt tiền thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ; trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện thì ghi rõ số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

7 Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (Trường hợp phạt tiền thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ; trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện thì ghi rõ số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu hoặc số tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu (ghi cả bằng số và bằng chữ) do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính (và nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

8 Ghi rõ thời hạn thi hành của từng biện pháp khắc phục hậu quả.

9a Ghi tóm tắt hành vi vi phạm;

9b Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

10a Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng (Cảnh cáo/Phạt tiền/Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn/Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/Trục xuất).

10b Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (Ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ hoặc thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động hoặc số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu (nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ)

11 Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động, thì cần ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì cần ghi rõ số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu hoặc số tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu (ghi cả bằng số và bằng chữ) do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính (và nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ)

12 Ghi rõ thời hạn thi hành của từng biện pháp khắc phục hậu quả.

13a Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước (hoặc Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu) mà cá nhân/tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt.

13b Ghi rõ tên, địa chỉ và số tài khoản của Kho bạc nhà nước (hoặc của Ngân hàng thương mại do Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu) mà cá nhân/tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt.

14 Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại đã ghi ở (13a).

15 Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định; cơ quan, tổ chức có liên quan.



MẪU BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH<sup>1</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-VPHC

.....<sup>2</sup>, ngày ..... tháng ..... năm .....

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Về .....<sup>3</sup>

Căn cứ .....<sup>4</sup>

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ....., tại .....

Chúng tôi gồm:<sup>5</sup>.....

Với sự chứng kiến của:<sup>6</sup>.....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với:<sup>7</sup>

Ông (Bà)/Tổ chức: .....

Ngày ... tháng ... năm sinh ..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động: .....

Địa chỉ:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: .....

Cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

Đã có các hành vi vi phạm hành chính:<sup>8</sup>.....

Quy định tại<sup>9</sup>.....

Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:<sup>10</sup>.....

Ý kiến trình bày của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm:

.....

.....

Ý kiến trình bày của người chứng kiến:

.....

Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:

.....

Chúng tôi đã yêu cầu ông (bà)/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm xử lý vi phạm được áp dụng

gồm:

.....

Tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ gồm:<sup>11</sup>

.....

Ngoài những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các giấy tờ nêu trên, chúng

tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản lập xong hồi giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., gồm ... tờ, được lập thành ... bản có

nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là

đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.<sup>12</sup>

Lý do không ký biên bản: .....

Cá nhân/Tổ chức vi phạm gửi văn bản yêu cầu được giải trình đến ông/bà 13 .....  
..... trước ngày ... tháng ... năm ..... để thực hiện quyền giải trình.

NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN

TỔ CHỨC VI PHẠM

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)

NGƯỜI BỊ THIỆT HẠI

(Ký, ghi rõ họ tên)

1 Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh).

2 Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

3 Ghi lĩnh vực vi phạm hành chính theo nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

4 Ghi các căn cứ của việc lập biên bản (như: kết luận thanh tra, biên bản làm việc, kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính... ).

5 Ghi họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của người lập biên bản.

6 Ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ của người chứng kiến. Nếu có đại diện chính quyền ghi rõ họ tên, chức vụ.

7 Ghi họ tên người vi phạm hoặc họ tên, chức vụ của đại diện tổ chức vi phạm.

8 Ghi tóm tắt hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm, xảy ra vi phạm, mô tả hành vi vi phạm; đối với vi phạm trên các vùng biển cần ghi rõ tên tàu, công suất máy chính, tổng dung tích/trọng tải toàn phần, tọa độ, hành trình).

9 Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

10 Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức bị thiệt hại.

11 Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng).

12 Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản.

13 Họ tên, chức vụ, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

MẪU BIÊN BẢN GIÁM SÁT

(Mẫu gợi ý của Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá  
cho các đơn vị tham gia giám sát hoạt động PCTH thuốc lá)

.....  
.....  
Số:...../BB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
....., ngày.....tháng.....năm.....

giám sát các địa điểm bán thuốc lá  
theo Điều 9, Điều 25 Luật PCTH của thuốc lá

BIÊN BẢN KIỂM TRA/GIÁM SÁT

(V/v thực hiện qui định cấm quảng cáo, khuyến mại thuốc lá  
tại điểm bán lẻ thuốc lá)

Thực hiện Quyết định số ...../QĐ-..... ngày.....tháng.....năm 201..... của ..... về việc .....  
Thực hiện Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá và  
các văn bản pháp luật liên quan tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn .....  
Hôm nay, lúc.....ngày.....tháng.....năm 201.....  
Đoàn kiểm tra ..... về công tác phòng chống tác hại thuốc lá gồm:

Trưởng đoàn

Ông (bà).....chức vụ.....đơn vị.....

Thư ký

Ông (bà).....chức vụ.....đơn vị.....

Thành viên

1. Ông (bà).....chức vụ.....đơn vị.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....đơn vị.....

3. Ông (bà).....chức vụ.....đơn vị.....

4. Ông (bà).....chức vụ.....đơn vị.....

Tiến hành thanh, kiểm tra đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Đại diện cơ sở:

1. Ông (bà).....chức vụ.....

2. Ông (bà).....chức vụ.....

3. Ông (bà).....chức vụ.....

4. Ông (bà).....chức vụ.....

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ

| STT                            | Nội dung thực hiện                                  | Có | Không | Ghi chú |
|--------------------------------|-----------------------------------------------------|----|-------|---------|
| Quảng cáo, khuyến mại thuốc lá |                                                     |    |       |         |
|                                | Quảng cáo thuốc lá                                  |    |       |         |
|                                | Trưng bày các vật phẩm khuyến mại sản phẩm thuốc lá |    |       |         |

| STT                                             | Nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                           | Có | Không | Ghi chú |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------|---------|
|                                                 | Sản phẩm được thiết kế hình thức hoặc kiểu dáng như bao gói hoặc điều thuốc lá                                                                                                                                                                                               |    |       |         |
| <b>Bán thuốc lá</b>                             |                                                                                                                                                                                                                                                                              |    |       |         |
|                                                 | Giấy phép bán thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                                       |    |       |         |
|                                                 | Bán thuốc lá giả, thuốc lá nhập lậu                                                                                                                                                                                                                                          |    |       |         |
|                                                 | Bán thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi                                                                                                                                                                                                                                       |    |       |         |
|                                                 | Sử dụng người chưa đủ 18 tuổi bán thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |         |
|                                                 | Bán thuốc lá bằng máy bán thuốc lá tự động                                                                                                                                                                                                                                   |    |       |         |
|                                                 | Các sản phẩm thuốc lá được ghi nhãn, in cảnh báo sức khỏe trên bao bì thuốc lá                                                                                                                                                                                               |    |       |         |
|                                                 | Địa điểm bán thuốc lá nằm ngoài phạm vi 100m tính từ ranh giới gần nhất của cơ sở như nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã phường thị trấn. |    |       |         |
| <b>Trưng bày thuốc lá tại điểm bán thuốc lá</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                              |    |       |         |
|                                                 | Treo biển thông báo không bán thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi                                                                                                                                                                                                             |    |       |         |
|                                                 | Trưng bày quá một bao, một tút hoặc một hộp của một nhãn hiệu thuốc lá (đối với đại lý bán lẻ, điểm bán lẻ)                                                                                                                                                                  |    |       |         |

**Nội dung khác:**

.....  
.....  
.....

**KẾT LUẬN**

.....  
.....  
.....

Buổi làm việc kết thúc lúc ..... cùng ngày

Biên bản này được thành lập thành 2 bản, có nội dung như nhau, 1 bản lưu đoàn kiểm tra, 1 bản lưu lại tại đơn vị được thanh kiểm tra, đã đọc lại cho những người có tên trên nghe lại, thông qua và nhất trí ký tên.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ  
ĐƯỢC KIỂM TRA**  
(ký, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN  
ĐOÀN KIỂM TRA**  
(ký)

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**  
(ký)